

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 371/2026/DS-PT
Ngày 20 - 5 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn A Đam

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phái, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 114/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Cà Mau có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2026/QĐ-PT ngày 08/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thanh N, sinh năm 1973, (có mặt).

Số CCCD: 096073010704, cấp ngày: 11/8/2021.

Địa chỉ: Số A, L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Tô Hoài D, sinh năm 1961, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số CCCD: 096061000317, cấp ngày: 09/04/2021.

Địa chỉ: Số A, N, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:* Ông Trịnh Tuấn M, sinh năm 1955, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng ông Huỳnh Thanh N trình bày: Vào ngày 25/12/2008, ông N cho ông Tô Hoài D vay 1.200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2,8%/tháng, thời hạn vay 30 ngày tính từ ngày 25/12/2008 đến ngày 26/01/2009. Để đảm bảo cho khoản vay ông Tô Hoài D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 và đồng

thời ông D có viết giấy thế chấp đề ngày 25/12/2008. Ông N gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy thế chấp cho ông M giữ hộ. Lúc này ông M là giám đốc Ngân hàng P – Chi nhánh C (Khu vực Minh H). Đến hạn thanh toán ngày 26/01/2009 ông D không trả số tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng và lãi cho ông N.

Đến khoảng tháng 03/2009 thì ông D có hỏi ông N mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1, để cho ông D làm thủ tục chuyển tên cho ông D và thế chấp vay Ngân hàng để trả nợ cho ông N nên ông N đồng ý. Khi đó, ông N mới yêu cầu ông M giao giấy chứng nhận đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 cho ông D và ông M trực tiếp giao giấy chứng nhận cho ông D, còn giấy thế chấp đề ngày 25/12/2008 của ông D viết thì ông M vẫn giữ.

Ông N xác định từ tháng 03/2009 cho đến 30/12/2022, ông N có nhắn tin cho ông D để nhắc trả nợ, nhưng ông D không trả lời. Đến năm 2023, khi ông M chấp hành án tù về thì ông N đến nhận lại giấy thế chấp đề ngày 25/12/2008 của ông D. Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông D trả nợ vay 5.223.840.000 đồng (Trong đó: vốn vay 1.200.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 25/01/2009 đến ngày 25/11/2025 là 202 tháng x 1,66%/tháng = 4.023.840.000 đồng).

- *Bị đơn ông Tô Hoài D trình bày:* Vào ngày 25/12/2008, ông và ông Huỳnh Thanh N có giao kết, thỏa thuận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 để ông vay của ông N số tiền là 1.200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2,8%/tháng, thời hạn thế chấp là 30 ngày tính từ ngày 25/12/2008 đến ngày 26/01/2009.

Đến hạn ngày 26/01/2009 thì ông D đã thanh toán cho ông N số tiền 1.200.000.000 đồng, đồng thời ông đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông N.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông trả nợ với số tiền 5.223.840.000 đồng (Trong đó: vốn vay 1.200.000.000 đồng và lãi của 202 tháng bằng 4.023.840.000 đồng) ông không đồng ý, do ông đã thanh toán cho ông N xong và đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1. Sở dĩ ông nghĩ giấy thế chấp đề ngày 25/12/2008 không còn giá trị nên ông không lấy lại. Mặt khác, tại thời điểm giao dịch vay và thanh toán với ông N thì có ông Trịnh Tuấn M là giám đốc Ngân hàng P – Chi nhánh C chứng kiến sự việc.

- *Người làm chứng ông Trịnh Tuấn M trình bày:* Trước đây, ông M công tác tại Quỹ phát hỗ trợ phát triển Việt Nam. Đến năm 1995, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Quỹ phát hỗ trợ phát triển Việt Nam và đổi tên Ngân hàng P – Chi nhánh K. Thời điểm này ông với ông Tô Hoài D và ông Huỳnh Thanh N quen biết và rất thân nhau, ông N và ông D làm kinh doanh nên thường hỗ trợ nhau trong vay vốn.

Vào ngày 25/12/2008, ông N và ông D có thỏa thuận, ông N cho ông D vay số tiền vay là 1.200.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh. Khi đó, ông N và ông D có đến phòng làm việc của ông để trao đổi thỏa thuận với nhau. Ông N đưa cho ông D vay số tiền 1.200.000.000 đồng không có viết biên nhận tiền, nhưng ông D có đưa cho ông N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 và có viết giấy thế chấp đề ngày 25/12/2008, thời hạn thế chấp là 30

ngày tính từ ngày 25/12/2008 đến ngày 26/01/2009. Đây là thỏa thuận cá nhân với nhau nhưng ông D có mang dấu Công ty theo nên đóng dấu để làm tin. Sau khi thỏa thuận xong thì ông N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 và giấy thế chấp cho ông giữ.

Đến hẹn ngày 26/01/2009, ông D mới đến phòng làm việc của ông yêu cầu ông đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 và nói đã trả tiền vay cho ông N rồi. Khi đó, ông mới gọi điện thoại cho ông N để xác nhận thì ông N cho biết là ông D đã trả tiền vay rồi, kêu trả lại giấy chứng nhận cho ông D nên ông mới đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 cho ông D. Khi đó ông D không lấy lại giấy thế chấp và ông cũng nghĩ rằng đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D là xong nên ông không quan tâm đến giấy thế chấp nữa.

Đến năm 2014, ông bị đưa đi chấp hành án tù đến tháng 9/2021 thì ông mới được về nhà. Khi đó, ông N có đến nhà thăm và có nhắc đến việc vay tiền giữa ông N với ông D thì ông xem lại trong tủ thấy được giấy thế chấp của ông D viết ngày 25/12/2008, ông N mới yêu cầu ông đưa cho ông N, ông nghĩ rằng sự việc đã lâu hơn 13 năm, việc ông N cho ông D vay tiền cũng chỉ nói miệng và trả tiền cũng chỉ nói miệng với nhau và đã thanh toán xong nên giấy thế chấp cũng không còn giá trị nên mới đưa cho ông N.

Ông M xác định ông D đã trả số tiền vay 1.200.000.000 đồng ông N xong, chính ông là người điện thoại cho ông N xác nhận rồi mới giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông D.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông D trả nợ với số tiền 5.223.840.000 đồng (Trong đó: vốn vay 1.200.000.000 đồng và lãi của 202 tháng bằng 4.023.840.000 đồng) là không hợp lý và theo luật thì không còn thời hạn khởi kiện.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh N đối với ông Tô Hoài D.

Cụ thể: Ông N yêu cầu buộc ông D phải thanh toán nợ số tiền 5.223.840.000 đồng (Trong đó: vốn vay 1.200.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 25/01/2009 đến ngày 25/11/2025 là 202 tháng x 1,66%/tháng = 4.023.840.000 đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông D không phải nộp án phí sơ thẩm.

Ông Huỳnh Thanh N phải nộp án phí số tiền 113.223.000 đồng. Ngày 25/11/2025, ông N dự nộp án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0005229 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cà Mau, được đối trừ chuyển nộp ngân sách nhà nước, ông N còn phải nộp thêm số tiền 112.923.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/02/2026, nguyên đơn ông Huỳnh Thanh N kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, buộc ông Tô Hoài D phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho ông Huỳnh Thanh N, với tổng số tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng và lãi như khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm.

- *Về thủ tục tố tụng*: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo ông Huỳnh Thanh N, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Cà Mau, án phí dân sự phúc thẩm ông Huỳnh Thanh N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh N có mặt, bị đơn ông Tô Hoài D có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng ông Trịnh Tuấn M, vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D, ông M.

[1.2] Về nội dung và hình thức của đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông N yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, theo hướng buộc ông Tô Hoài D phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho ông Huỳnh Thanh N, với tổng số tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng và khoản tiền lãi như khởi kiện.

[2.1] Nguyên đơn ông N, bị đơn ông D và người làm chứng ông M thống nhất với nhau về số tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 2,8%/tháng, thời hạn là 30 ngày tính từ ngày 25/12/2008 đến ngày 26/01/2009 là hết thời hạn thanh toán cả gốc và lãi, để đảm bảo cho hợp đồng vay, ông D thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1, có ông M là người chứng kiến, biết sự việc và là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1, đây là tình tiết không cần phải chứng minh.

[2.2] Tuy nhiên, ông N xác định khi đến thời hạn thanh toán theo thỏa thuận thì ông D không thanh toán cho ông, đến ngày 09/11/2021 ông N mới nhắn tin đòi tiền của ông D. Như vậy, tính từ ngày hết thời hạn vay đến ngày ông N nhắn tin đòi

nợ là hơn 12 năm. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện của ông N yêu cầu ông D trả nợ vốn và lãi với số tiền 5.223.840.000 đồng đã hết.

[2.3] Theo lời trình bày của người làm chứng ông M là khi ông N cho ông D vay tiền chỉ nói miệng không có biên nhận nợ, nhưng có viết giấy thế chấp. Khi đến hạn thanh toán theo nội dung giấy thế chấp (26/01/2009) ông D trả tiền cho ông N xong thì ông D đến gặp ông để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N1 (do ông M đang giữ), lúc này ông M mới điện thoại cho ông N để xác nhận rồi mới giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D. Ông M xác định ông D đã trả số tiền vay 1.200.000.000 đồng cho ông N xong vào năm 2009.

[2.4] Đối với “Giấy thế chấp” ngày 25/12/2008 của ông D có nội dung thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1 để vay 1.200.000.000 đồng, khi đến hạn (26/01/2009) ông D đã thanh toán xong và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1, ông M là người giữ giấy chứng nhận đã hỏi ý kiến của ông N, và khi được ông N xác định là ông D đã trả nợ xong nên ông M mới giao trả cho ông D.

[2.5] Nhận thấy, đối tượng thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1. Theo quy định, tại thời điểm 2008 cá nhân không có quyền xác lập hợp đồng thế chấp, cầm cố quyền sử dụng đất, nên giấy thế chấp đề ngày 25/12/2008 bị vô hiệu khi xác lập. Tuy nhiên, khi ông D thanh toán xong chỉ lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Tuyết N1, mà không nhận lại giấy thế chấp vì nghĩ chỉ cần lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là được mà không cần nhận lại giấy thế chấp. Theo ông M trình bày sau khi ông đi chấp hành án về, ông N đến gặp ông nói lại chuyện ông D vay tiền của ông N trước đây, biết ông M còn giữ giấy thế chấp, nên ông N yêu cầu ông M giao cho ông N, ông M nghĩ ông D đã thanh toán nợ cho xong cho ông N, thì giao giấy cho ông nghĩa cũng được nên ông M đã giao “Giấy thế chấp” ngày 25/12/2008 cho ông N. Sau khi lấy được ông N dùng để nhắn tin đòi tiền ông D, sau đó khởi kiện ra Tòa án.

[2.6] Nguyên đơn ông N cho rằng việc đồng ý giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông D vay tiền Ngân hàng nhằm trả nợ cho ông, nên mới đồng ý để ông M trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông D. Trình bày của nguyên đơn không phù hợp với lời khai người làm chứng là ông M, vì ông M xác định khi ông gọi cho ông N, thì ông N xác nhận ông D đã trả tiền cho ông N xong, nên ông M mới trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông D.

[2.7] Ở giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông N giao nộp chứng cứ là USB, theo giải trình nguồn gốc, ông N xác định đoạn ghi âm có nội dung ông và ông D nói chuyện, theo đó ông D nói đã trả cho ông M 800.000.000 đồng, cuộc nói chuyện thời gian là 01 phút 39 giây, thời điểm năm 2017. Xét nội dung nói chuyện trong file ghi âm mà ông N nộp có nội dung ông D trả cho ông M số tiền 800.000.000 đồng, không có liên quan đến số tiền 1.200.000.000 đồng mà ông D đã vay của ông N.

[3] Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu của ông N về việc buộc ông D trả nợ vay cả gốc và lãi số tiền 5.223.840.000 đồng là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông N.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị, không chấp nhận kháng cáo của ông N, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Cà Mau. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Thanh N phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Thanh N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2026/DS-ST ngày 26/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 124, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh N đối với ông Tô Hoài D đòi nợ vay tổng số tiền 5.223.840.000 đồng, (trong đó nợ gốc 1.200.000.000 đồng và nợ lãi 4.023.840.000 đồng).

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Huỳnh Thanh N phải chịu 113.223.000 đồng. Ông N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005229 ngày 25/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cà Mau, được chuyển thu án phí, ông N còn phải nộp thêm số tiền 112.923.000 đồng.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Huỳnh Thanh N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002431 ngày 06/03/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Cà Mau được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND Khu vực 1;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều